

## §2: PHÂN SỐ BẰNG NHAU.

| Hoạt động của GV  | Hoạt động của HS |
|---|------------------|
| <p><b>1. Định nghĩa.</b></p> <p>- GV y/c HS quan sát hình 5 SGK, giới thiệu phân tô đậm ở 2 hình vẽ là bằng nhau có nghĩa là: <math>\frac{1}{3} = \frac{2}{6}</math></p> <p>Ta có nhận xét: <math>1.6 = 2.3 (= 6)</math></p> <p>- Y/C HS lấy ví dụ 2 phân số bằng nhau và so sánh tích của tử của phân số này với mẫu của phân số kia.</p> <p>- Từ những ví dụ vừa nêu, hãy phát biểu định nghĩa về sự bằng nhau của hai phân số.</p>   |                  |
| <p><b>2: Các ví dụ:</b></p> <p>- Hãy dùng định nghĩa để tìm ra các phân số bằng nhau và phân số không bằng nhau từ các phân số sau: <math>\frac{5}{10}; \frac{2}{3}; \frac{6}{12}; \frac{1}{5}; \frac{3}{6}</math></p> <p>- HS đọc và làm ?1 SGK.<br/>( Sử dụng đ/n hai phân số bằng nhau)</p> <p>- HS đọc và làm ?2 SGK.<br/>( có thể tính <math>(-2).5</math> và <math>5.2</math> để rút ra kết luận)</p> <p>- Ví dụ 2 :Tìm số nguyên x, biết: <math>\frac{x}{8} = \frac{11}{4}</math></p> <p>+ Theo đ/n hai phân số bằng nhau ta rút ra điều gì ?</p> <p>+</p> |                  |
| <p><b>3: Vận dụng – củng cố.</b></p> <p>- Từ những vấn đề trên ta hệ thống lại nội dung bài học như thế nào.</p> <p>- Y/C HS đọc và thực hiện bài tập 6 SGK.<br/>Giống như ví dụ 2</p> <p>Y/C HS đọc và thực hiện bài tập 7 SGK.<br/>Giống như ví dụ 2.</p>   |                  |

### § 3: TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ.

| Hoạt động của GV   | Hoạt động của HS |
|--|------------------|
| <p><b>1: Nhận xét.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hs đọc kỹ nhận xét trong SGK.</li> <li>- Từ nhận xét HS đọc và thực hiện ?1 SGK:<br/>Giải thích vì sao ?<br/>(Hướng dẫn hs thực hiện)</li> <li>+ Khi nhân cả tử và mẫu của phân số <math>\frac{-1}{2}</math> cho -3 ta được phân số nào, nhận xét phân số còn lại,</li> <li>+ Khi chia cả tử và mẫu của phân số <math>\frac{3}{-6}</math> cho -3 ta được phân số nào, nhận xét phân số còn lại</li> <li>- Y/C HS đọc và thực hiện ?2 SGK như phần ?1: Điền số thích hợp vào ô trống.</li> </ul>  |                  |
| <p><b>2: Tính chất cơ bản của phân số.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV Y/C trả lời các câu hỏi sau:</li> <li>+ Nếu ta nhân cả tử và mẫu của một phân số với cùng một số nguyên ta được phân số mới như thế nào với phân số đã cho?</li> <li>+ Tại sao chia cả tử và mẫu của một phân số cho cùng một số khác 0 vẫn được?</li> <li>- Hs đọc ví dụ trong sách sau đó làm ?3 theo hướng dẫn sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với phân số <math>\frac{5}{-17}</math> thì ta nhân cả tử và mẫu cho số như thế nào để mẫu là số dương?</li> <li>+ Đối với phân số <math>\frac{-4}{-11}</math> thì ta nhân cả tử và mẫu cho số như thế nào để mẫu là số dương?</li> <li>+ Đối với phân số <math>\frac{a}{b}</math> thì ta nhân cả tử và mẫu cho số như thế nào để mẫu là số dương?</li> </ul> </li> <li>- Y/C HS đọc và học thuộc phần t/c cũng như phần chữ in nghiêng trong SGK</li> </ul> |                  |
| <p><b>3. Vận dụng – củng cố.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc và thực hiện bài tập 11 SGK theo gợi ý sau: Tử và mẫu bằng nhau thì P/S bằng giá trị bằng 1.</li> </ul>   |                  |

- GV hướng dẫn HS làm bài 13 SGK theo gợi ý:

$$15 \text{ phút} = \frac{15}{60} \text{ giờ} = \frac{15:15}{60:15} \text{ giờ} = \frac{1}{4} \text{ giờ}$$

4. Hướng dẫn về nhà:

- Y/C HS làm bài tập sau:

Đố : Chúng ta đang bị đe dọa sức khỏe bởi điều gì ?

Điền số thích hợp vào ô vuông để hai phân số bằng nhau. Sau đó, viết các chữ tương ứng với các số tìm được vào các hàng dưới cùng, em sẽ được câu trả lời cho câu hỏi trên

A.  $\frac{3}{5} = \frac{15}{\square}$     D.  $\frac{11}{25} = \frac{44}{\square}$     I.  $\frac{-5}{9} = \frac{\square}{63}$     O.  $\frac{7}{15} = \frac{21}{\square}$     D.  $\frac{8}{13} = \frac{\square}{39}$

C.  $\frac{\square}{11} = \frac{-22}{121}$     R.  $\frac{5}{7} = \frac{\square}{28}$     H.  $\frac{18}{54} = \frac{6}{\square}$     N.  $\frac{15}{\square} = \frac{5}{8}$

|     |    |   |    |   |    |    |    |    |    |    |    |    |
|-----|----|---|----|---|----|----|----|----|----|----|----|----|
|     |    |   |    |   |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 100 | 25 | 7 | 24 | 7 | -2 | 18 | -2 | 45 | 20 | 45 | 24 | 25 |

## § 4: RÚT GỌN PHÂN SỐ

I

| Hoạt động của GV  | Hoạt động của HS |
|---|------------------|
| <p><b>* 1: Cách rút gọn phân số.</b></p> <p>_ Xét phân số <math>\frac{28}{42}</math></p> <p>- Y/C HS tìm ƯC(28;42) = ?</p> <p>- GV nếu chia cả tử và mẫu của phân số đó cho 2 ta được phân số nào? có bằng phân số đã cho không? Vì sao?</p> <p>- GV phân số <math>\frac{14}{21}</math> còn có ƯC là bao nhiêu?</p> <p>Vậy <math>\frac{14}{21} = ?</math></p> <p>- GV cách làm như trên gọi là rút gọn phân số.</p> <p>- Y/C HS trả lời câu hỏi: muốn rút gọn phân số ta làm như thế nào?</p> <p>- Y/C HS rút gọn phân số <math>\frac{-4}{8}</math> theo gợi ý sau:</p> <p>ƯC(- 4;8) = ? <math>\Rightarrow \frac{-4}{8} = ?</math> (Sau khi chia tử và mẫu cho ƯC)</p> <p>- GV từ các ví dụ trên hãy nêu qui tắc rút gọn phân số?</p> <p>- Y/C HS áp dụng qui tắc làm ? SGK: Rút gọn các phân số.</p> <p>+ <math>\frac{-5}{10}</math> Chia cả tử và mẫu cho ƯCLN của 5 và 10</p> <p>- Y/C HS trả lời câu hỏi: Các kết quả này còn rút gọn được nữa không?</p> |                  |
| <p><b>* 2: Thế nào là phân số tối giản?</b></p> <p>- Nhận xét các phân số <math>\frac{-1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{-6}{11}; \dots</math> không thể rút gọn được nữa ta gọi đó là các phân số tối giản.</p> <p>- Y/C HS trả lời các câu hỏi:</p> <p>+ Thế nào là phân số tối giản?</p> <p>+ Nhận xét tử và mẫu của phân số tối giản?</p>   |                  |

|   |  |
|---|--|
| <p>- HS học định nghĩa phân số tối giản và ghi nhớ.</p> <p>- Y/C HS đọc và hoàn thành ?2 SGK: Tìm các phân số tối giản trong các phân số đã cho.<br/>( tử và mẫu có ƯCLN là 1 và -1)</p> <p>- HS học phần nhận xét SGK.</p>   |  |
| <p><b>* 3: Vận dụng – củng cố.</b></p> <p>- HS hệ thống lại nội dung bài học.</p> <p>- HS đọc và thực hiện bài tập 15 SGK.</p> <p>Hướng dẫn câu a :</p> <p>+ ƯCLN của 22 và 55 là bao nhiêu ?</p> <p>+ Chia cả tử và mẫu của phân số <math>\frac{22}{55}</math> cho ƯCLN vừa tìm được.<br/>(các câu khác tương tự)</p> <p>- HS đọc và làm bài 18 SGK. ( Tương tự bài 13 SGK )</p> |  |